

Bản án số: 198/2023/DS-PT.

Ngày 15 - 11 - 2023.

V/v “tranh chấp quyền sử dụng đất”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trường.

Các Thẩm phán: Ông Đặng Văn Lộc.

Bà Đặng Thị Ánh Bình.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Võ Đức Hoài Mi – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:** Ông Đỗ Văn Minh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 11 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 170/2023/TLPT - DS ngày 02 tháng 10 năm 2023 về việc: “tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 53/2023/DS-ST ngày 01 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 199/2023/QĐ - PT ngày 13 tháng 10 năm 2023, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Kim C, sinh năm 1957 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bà Nguyễn Kim C là Luật sư Phạm Văn H – Văn phòng Luật sư Phạm Văn H – Đoàn Luật sư tỉnh V (có mặt).

- Bị đơn:

1. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1946 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn ông Nguyễn Văn T là: Bà Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1968. Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long (theo văn bản ủy quyền ngày 10/5/2023, có mặt).

2. Bà Nguyễn Thị C1, sinh năm: 1950 (chết ngày 19/02/2023).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị C1 là:

2.1. Chị Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1968 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

2.2. Chị Nguyễn Thị Kim K, sinh năm 1977 (chết ngày 29/10/2023).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của chị Nguyễn Thị Kim K là:

2.2.1. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1946 (có mặt).

2.2.2. Anh Lê Duy K1, sinh năm 1983 (có văn bản xin vắng mặt).

2.2.3. Cháu Nguyễn Ngọc L1, sinh năm 1995 (có văn bản xin vắng mặt).

2.2.4. Cháu Lê Nguyễn Anh K2, sinh năm 2011 (có văn bản xin vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

2.3. Chị Nguyễn Thị Kim T1, sinh năm 1980 (có văn bản xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp H, phường B, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

2.4. Anh Nguyễn Bảo Q, sinh năm 1984 (có văn bản xin vắng mặt).

Địa chỉ: 5, khu phố A, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Nguyễn Kim C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- Tại đơn khởi kiện ngày 25/6/2022 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Kim C trình bày:

Bà có phần đất thửa 82, diện tích 1.150m² và thửa 207, diện tích 2.580m², loại đất lúa do bà đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cùng tọa lạc tại ấp B, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

Giữa 02 thửa 82 và thửa 207 của bà là thửa 83, diện tích 340m² là đất hoang, trước đây bà không có sử dụng thửa đất này, sau đó đến năm 2014 bà đã khai phá san lấp theo hình thức kêu xe cải tiến chở đất vào lấp. Đến năm 2018 bà tiếp tục kêu xe cải tiến vào đổ đất san lấp và sử dụng phần đất này để sản xuất lúa. Ông T có thoát nước đi qua thửa đất 83 để sản xuất lúa tại thửa 84. Hiện tại thửa đất 83 do ông T quản lý, sử dụng. Trong quá trình quản lý, sử dụng đất ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị C1 tự ý kê khai đăng ký và được UBND huyện V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa 56 (thửa cũ 83), tờ bản đồ số 4, diện tích 338,3m², loại đất chuyên trồng lúa nước. Khi thực hiện đo đạc Vlap thì bà có ký tên tứ cận để ông T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 83 (thửa mới 56). Lý do, bà ký tứ cận là giữa bà và ông T có thỏa thuận miệng đổi đất với nhau nhưng đến nay bà và ông T vẫn chưa thực hiện đổi đất.

Nay bà yêu cầu ông Nguyễn Văn T và những người thừa kế quyền nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị C1 là chị Nguyễn Thị Kim L, chị Nguyễn Thị Kim K, chị Nguyễn Thị Kim T1, anh Nguyễn Bảo Q phải trả lại bà phần đất diện tích 338,3m², thửa 56, tờ bản đồ 4 loại đất chuyên trồng lúa nước, tọa lạc ấp B, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long để bà kê khai đăng ký và đứng tên quyền sử dụng đất.

- Tại bảng khai ý kiến ngày 09/5/2023 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Văn T và người đại diện theo ủy quyền của ông T là chị Nguyễn Thị Kim L trình bày:

Vào ngày 01/6/1992 ông T được UBND huyện V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 83, diện tích 510m², loại đất ao, tọa lạc ấp B, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long. Nguồn gốc đất do ông bà để lại. Giáp ranh

với thửa 83 của ông T là thửa 82 và thửa 207 của bà C đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Đến khi đo đạc V vào năm 2011 cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị C1 được cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới tại thửa 56 (thửa cũ 83), diện tích 338,3m², loại đất chuyên trồng lúa nước do ông T và bà C1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Thửa 56, diện tích 338,3m² hiện nay do ông T quản lý, sử dụng.

Bà C1 đã chết ngày 19/02/2023. Ông T và bà C1 có 05 người con gồm: Nguyễn Thị Kim L, Nguyễn Thị Kim H1 (chết năm 1982 không chồng con), Nguyễn Thị Kim K, Nguyễn Thị Kim T1, Nguyễn Bảo Q.

Nay bà C yêu cầu ông T và những người thừa kế quyền nghĩa vụ tố tụng của bà C1 là chị L, chị K, chị T1, anh Q phải trả lại bà C phần đất diện tích 338,3m², thửa 56, tờ bản đồ 4, loại đất chuyên trồng lúa nước, tọa lạc ấp B, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long để bà C kê khai đăng ký và đứng tên quyền sử dụng đất thì ông T và những người kế thừa quyền nghĩa vụ của bà C1 không đồng ý do phần đất này thuộc quyền quản lý và sử dụng hợp pháp của ông T.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Kim K, chị Nguyễn Thị Kim T1, anh Nguyễn Bảo Q có đơn xin vắng mặt, nhưng tại các bảng khai ý kiến ngày 09/5/2023 và ngày 15/5/2023 thì chị K, chị T1 và anh Q cùng trình bày: Các anh chị là con ruột của ông T và bà C1, ngày 19/02/2023 bà C1 chết. Phần đất tranh chấp diện tích 338,3m², thửa 56, tờ bản đồ 4, loại đất chuyên trồng lúa nước, tọa lạc ấp B, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long do ông T và bà C1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nay bà C tranh chấp quyền sử dụng đất với ông T thửa 56, diện tích 338,3m² thì các anh chị để cho ông T quyết định các anh chị không có ý kiến hay yêu cầu gì.*

- *Tại bảng khai ý kiến ngày 09/5/2023 người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Kim L trình bày: Chị là con ruột của ông T và bà C1, chị thống nhất theo lời trình bày của chị K, chị T1, anh Q, chị không bổ sung gì thêm.*

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 53/2023/DS-ST ngày 01 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

Căn cứ vào các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 165, Điều 166, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 100, Điều 166, Điều 170, Điều 203 Luật đất đai năm 2013; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tuyên xử;

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Kim C về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn T và những người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị C1 là chị Nguyễn Thị Kim L, chị Nguyễn Thị Kim K, chị Nguyễn Thị Kim T1, anh Nguyễn Bảo Q phải trả lại bà Nguyễn Kim C phần đất diện tích 338,3m², thửa 56, tờ bản đồ 4, loại đất chuyên trồng lúa nước, tọa lạc ấp B, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

Giữ nguyên hiện trạng sử dụng, ông Nguyễn Văn T và những người thừa kế quyền nghĩa vụ của bà Nguyễn Thị C1 là chị Nguyễn Thị Kim L, chị Nguyễn Thị Kim K, chị Nguyễn Thị Kim T1, anh Nguyễn Bảo Q được sử dụng phần đất diện tích 338,3m², thửa 56, tờ bản đồ 4, loại đất chuyên trồng lúa nước, tọa lạc ấp B, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long (Kèm theo kết quả đo đạc hiện trạng khu đất ngày 29/02/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện V).

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền và nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 14/8/2023 nguyên đơn bà Nguyễn Kim C kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét sửa bản án sơ thẩm theo hướng buộc bị đơn và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị C1 là Nguyễn Thị Kim L, Nguyễn Thị Kim K, Nguyễn Thị Kim T1, Nguyễn Bảo Q phải trả lại cho nguyên đơn phần đất diện tích 338,3m² thuộc thửa số 56, tờ bản đồ số 4, loại đất chuyên trồng lúa nước, tọa lạc tại ấp B, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

- *Tại phiên tòa phúc thẩm:*

Nguyên đơn bà Nguyễn Kim C vẫn bảo lưu yêu cầu kháng cáo của mình.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Kim C đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bà C. Buộc bị đơn và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị C1 là Nguyễn Thị Kim L, Nguyễn Thị Kim K, Nguyễn Thị Kim T1, Nguyễn Bảo Q phải trả lại cho nguyên đơn phần đất diện tích 338,3m² thuộc thửa số 56, tờ bản đồ số 4, loại đất chuyên trồng lúa nước, tọa lạc tại ấp B, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

Ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Kim L có mặt không đồng ý với toàn bộ kháng cáo của bà C.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

+ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, của những người tham gia tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến khi xét xử Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án; Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm; Các đương sự và Luật sư có mặt thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

+ Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng Dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Kim C. Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số: 53/2023/DS-ST ngày 01/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn T và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị C1 là chị Nguyễn Thị Kim L, chị Nguyễn Thị Kim K, chị Nguyễn Thị Kim T1 và anh Nguyễn Bảo Q trả lại cho bà Nguyễn Kim C phần đất diện tích 338,3m², thửa 56, tờ bản đồ số 4, loại đất chuyên trồng lúa nước, tọa lạc tại ấp B, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long. Về án phí dân sự phúc thẩm: Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho bà Nguyễn Kim C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ; ý kiến trình bày của các đương sự; Căn cứ vào kết quả tranh luận và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục: Đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Kim C đúng về hình thức, nội dung và còn trong thời hạn luật định nên được Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét xử vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Trong quá trình giải quyết vụ án bà C1 chết Tòa sơ thẩm đưa các con của ông T, bà C1 vào tham gia tố tụng với tư cách người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà C1 là đúng quy định của pháp luật. Nhưng cấp sơ thẩm có thiếu sót chưa đưa ông T là chồng của bà C1 vào tham gia tố tụng với tư cách người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà C1 nên cấp phúc thẩm khắc phục thiếu sót này.

Sau khi Tòa phúc thẩm thụ lý vụ án thì chị K chết. Tòa đưa người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của chị K là: Ông Nguyễn Văn T (cha chị K), anh Lê Duy K1 (chồng chị K), cháu Nguyễn Ngọc L1 (con chị K) và cháu Lê Nguyễn Anh K2 (con chị K) vào tham gia tố tụng.

- Về nội dung:

[1] Xét kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Kim C là không có căn cứ chấp nhận. Bởi vì, bà C cho rằng phần đất thửa 56, diện tích 338,3m² trước đây là của bà C, bà không sử dụng để đất hoang, đến năm 2014 và 2018 bà C mới tiến hành san lấp mặt bằng để trồng lúa, nhưng qua các chương trình đất bà C lại không kê khai đăng ký đối với thửa đất 56. Phía ông T đã cung cấp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ chứng minh cho việc ông T, bà C1 quản lý sử dụng hợp pháp phần đất tranh chấp là có kê khai đăng ký qua các chương trình đất và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu vào ngày 01/6/1992 (bút lục số 47), kết quả đo đạc địa chính thửa đất và bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất ngày 20/7/2011 bà Nguyễn Kim C có ký tên giáp cận để ông T, bà C1 được cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo chương trình Vlap vào ngày 09/10/2014. Ngoài ra còn có chứng cứ khác là tại Công văn số: 911/UBND-TNMT ngày 13/6/2023 của Ủy ban nhân dân huyện V (bút lục

số 46B) xác định: Theo tư liệu bản đồ giải thửa năm 1991 (chương trình đất), ông Nguyễn Văn T kê khai đăng ký và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở thửa số 83, tờ bản đồ số 2, diện tích 510m², loại đất ao, tọa lạc tại ấp B, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long. Thực hiện đo đạc bản đồ địa chính chính quy (dự án V), ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị C1 kê khai đăng ký và được cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở thửa số 56 (thửa cũ số 83), tờ bản đồ số 4, diện tích 338,3m² mục đích sử dụng đất trồng lúa. Trình tự, thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị C1 được thực hiện đúng theo quy định pháp luật. Nên Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà C là có căn cứ.

Tuy nhiên, tại đơn khởi kiện và trong suốt quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Kim C chỉ yêu cầu ông Nguyễn Văn T và những người thừa kế quyền nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị C1 là chị Nguyễn Thị Kim L, chị Nguyễn Thị Kim K, chị Nguyễn Thị Kim T1, anh Nguyễn Bảo Q phải trả lại cho bà phần đất diện tích 338,3m², thửa 56, tờ bản đồ 4 loại đất chuyên trồng lúa nước, tọa lạc ấp B, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long. Tòa cấp sơ không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà C đối với yêu cầu này là đủ và đúng với quy định của pháp luật. Nhưng án sơ thẩm lại tuyên thêm phần giữ nguyên hiện trạng sử dụng, ông Nguyễn Văn T và những người thừa kế quyền nghĩa vụ của bà Nguyễn Thị C1 là chị Nguyễn Thị Kim L, chị Nguyễn Thị Kim K, chị Nguyễn Thị Kim T1, anh Nguyễn Bảo Q được sử dụng phần đất diện tích 338,3m², thửa 56, tờ bản đồ 4, loại đất chuyên trồng lúa nước, tọa lạc ấp B, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long là không cần thiết và tất cả các đương sự trong vụ án không yêu cầu giải quyết vấn đề này, nên Tòa án cấp phúc thẩm căn cứ Điều 5 và khoản 4 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự hủy và đình chỉ giải quyết vụ án đối với phần án sơ thẩm tuyên giữ nguyên hiện trạng sử dụng, ông Nguyễn Văn T và những người thừa kế quyền nghĩa vụ của bà Nguyễn Thị C1 là chị Nguyễn Thị Kim L, chị Nguyễn Thị Kim K, chị Nguyễn Thị Kim T1, anh Nguyễn Bảo Q được sử dụng phần đất diện tích 338,3m², thửa 56, tờ bản đồ 4, loại đất chuyên trồng lúa nước, tọa lạc ấp B, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long. Do đó, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định trên nên được chấp nhận.

[2] Xét lời đề nghị của Luật sư Phạm Văn H bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn bà Nguyễn Kim C không phù hợp với nhận định trên nên Hội đồng xét xử chỉ ghi nhận mà không chấp nhận.

[3] Từ các nhận định trên: Hội đồng xét xử, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Kim C. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 53/2023/DS-ST ngày 01 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do không chấp nhận kháng cáo nên nguyên đơn bà Nguyễn Kim C phải chịu án phí theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, nguyên đơn bà C là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí nên miễn toàn bộ tiền án phí cho bà C.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về chi phí khảo sát đo đạc, định giá, về án phí dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, khoản 2 và khoản 4 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Kim C. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 53/2023/DS-ST ngày 01 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

Căn cứ vào các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 165, Điều 166, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 100, Điều 166, Điều 170, Điều 203 Luật đất đai năm 2013; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26, Điều 27, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. *Tuyên xử:*

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Kim C về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn T và những người thừa kế quyền nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị C1 là ông Nguyễn Văn T, chị Nguyễn Thị Kim L, chị Nguyễn Thị Kim K, chị Nguyễn Thị Kim T1, anh Nguyễn Bảo Q phải trả

lại bà Nguyễn Kim C phần đất diện tích 338,3m², thửa 56, tờ bản đồ 4, loại đất chuyên trồng lúa nước, tọa lạc ấp B, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long (kèm theo kết quả đo đạc hiện trạng khu đất ngày 29/02/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện V).

2. Hủy và đình chỉ giải quyết vụ án đối với phần giữ nguyên hiện trạng sử dụng, ông Nguyễn Văn T và những người thừa kế quyền nghĩa vụ của bà Nguyễn Thị C1 là chị Nguyễn Thị Kim L, chị Nguyễn Thị Kim K, chị Nguyễn Thị Kim T1, anh Nguyễn Bảo Q được sử dụng phần đất diện tích 338,3m², thửa 56, tờ bản đồ 4, loại đất chuyên trồng lúa nước, tọa lạc ấp B, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Miễn toàn bộ tiền án phí dân sự phúc thẩm cho bà Nguyễn Kim C do là người cao tuổi.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về chi phí khảo sát đo đạc, định giá và về án phí dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND CC tại TP HCM: 01b;
- VKSND CC tại TP HCM: 01b;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long: 01b;
- CA.TAND TVL: 01b;
- Phòng KTNV&THA TAND TVL: 01b;
- TAND huyện Vũng Liêm: 01b;
- Chi cục THADS huyện Vũng Liêm: 01b;
- Mỗi đương sự: 01b;
- Lưu HS: 06b.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Văn Trường